

TÁC ĐỘNG CỦA ĐỘ MỞ KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Lê Nguyễn Diệu Anh
Trường Đại học Thương mại
Email: dieuanh.ln@tmu.edu.vn

Mã bài: JED-1504
Ngày nhận: 28/11/2023
Ngày nhận bản sửa: 13/01/2024
Ngày duyệt đăng: 05/03/2024
DOI: 10.33301/JED.VI.1504

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu tác động của độ mở kinh tế đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1995 – 2022 bằng phương pháp phân phối trễ tự hồi quy ARDL. Nguồn dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Tổng cục thống kê, Ngân hàng thế giới và Trading Economics... Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, độ mở kinh tế có tác động tích cực đến phát triển kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số khuyến nghị gợi mở hàm ý chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế Việt Nam, tận dụng các lợi thế quốc gia, điều tiết thương mại nội địa góp phần ổn định và phát triển thị trường trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển, định hướng ưu tiên FDI theo các tiêu chí xanh và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp.

Từ khoá: Độ mở kinh tế, phát triển kinh tế, Việt Nam, ARDL.

Mã JEL: F15, F43, E20.

Impact of economic openness on Vietnam's economic development

Abstract:

This study is conducted to investigate the impact of economic openness on economic growth in Vietnam in the period from 1995 to 2022 using the Autoregressive distributed lag model (ARDL). Data sources are collected from the databases of the General Statistics Office, the World Bank and Trading Economics. The results reveal that economic openness has a positive impact on short- and long-term economic development. Based on the findings, some recommendations are proposed for Vietnam's economic development conditions, making use of national advantages, regulating domestic trade to contribute the stability and development of the domestic market, support domestic businesses to develop, prioritize foreign direct investment according to green and sustainable criteria, and improve business competitiveness.

Keywords: Economic openness, economic development, Vietnam, ARDL.

JEL Codes: F15, F43, E20.

1. Đặt vấn đề

Độ mở kinh tế thể hiện mức độ tham gia của một quốc gia trong hoạt động kinh tế toàn cầu. Tsen (2006) cho rằng độ mở kinh tế có đóng góp tích cực vào tốc độ phát triển kinh tế. Một nền kinh tế có độ mở cao sẽ tạo điều kiện nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Độ mở kinh tế giúp mở rộng thị trường, thúc đẩy thương mại, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh; đồng thời, làm tăng khả năng thu hút đầu tư vào nền kinh

tế, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, mở cửa nền kinh tế và hội nhập quốc tế luôn đặt ra nhiều thách thức cho mỗi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển để đạt được một sự phát triển kinh tế bền vững.

Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế đã đem lại những bước tiến đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam. Từ một quốc gia nghèo đói và thiếu lương thực sau chiến tranh năm 1975, Việt Nam đã trở thành một quốc gia xuất khẩu lớn, có nhiều mặt hàng xuất khẩu hàng đầu thế giới như: gạo, cà phê, thủy sản... Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2022 đã đạt 730.206,1 triệu USD, trong đó xuất khẩu là 371.304,2 triệu USD, nhiều năm liên tiếp xuất siêu, đóng góp rất đáng kể vào tăng trưởng GDP cho nền kinh tế (Tổng cục thống kê, 2023).

Đến nay, Việt Nam đã tham gia 19 hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương (16 FTA đã ký kết và 3FTA đang đàm phán) (VCCI, 2023). Độ mở của nền kinh tế Việt Nam những năm gần đây lên tới gần 200% (Tổng cục thống kê, 2023). Phát triển kinh tế chính là con đường để khai thác những tiềm năng và thế mạnh của quốc gia, thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, những tác động của hội nhập quốc tế và tự do hóa thương mại đã ảnh hưởng ngày càng sâu sắc đến sự bền vững kinh tế. Hiện nay với độ mở kinh tế quá cao, nền kinh tế Việt Nam đang trở nên dễ bị tổn thương và rất nhạy cảm với các biến động từ bên ngoài.

Mục tiêu của bài viết này là đưa ra nhận định về tác động độ mở kinh tế đến phát triển kinh tế ở Việt Nam bằng mô hình tự phân phối độ trễ hồi quy ARDL. Kết quả nghiên cứu sẽ xác định mức độ và chiều hướng tác động của độ mở kinh tế đến phát triển kinh tế, từ đó, đề xuất các giải pháp phù hợp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề về mối quan hệ giữa độ mở kinh tế và tăng trưởng kinh tế được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu như: Yanikkaya (2003) và Dollar & Kraay (2004) sử dụng phân tích dữ liệu bảng đã tìm thấy tác động tích cực của độ mở kinh tế đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Freund & Bolaky (2008) chỉ ra tác động tích cực của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế bằng cách sử dụng phân tích dữ liệu bảng từ hơn 100 quốc gia.

Das & Paul (2011) nhận thấy rằng độ mở thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở châu Á từ năm 1971 đến năm 2009, áp dụng Phương pháp hồi quy GMM của dữ liệu bảng động. Marelli & Signorelli (2011) cũng báo cáo phát hiện về tác động tích cực của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc và Ấn Độ trong suốt giai đoạn 1980 đến 2007 bằng cách áp dụng phân tích dữ liệu bảng. Ở Châu Phi, một nghiên cứu của Yeboah, Naanwaab, Saleem & Akuffo (2012) đã phát hiện ra rằng độ mở thương mại có mối quan hệ tích cực với GDP ở 38 quốc gia từ năm 1980 đến năm 2008.

Musila & Yiheyis (2015) cũng sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian hàng năm để xem xét tác động của độ mở thương mại đối với tăng trưởng kinh tế và mức độ đầu tư ở Kenya. Độ mở thương mại tổng hợp và độ mở do chính sách thương mại mang lại được đánh giá cho các kết quả khác nhau. Độ mở thương mại tổng hợp được cho rằng có tác động tích cực đến mức độ đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên, ảnh hưởng sau này là không đáng kể về mặt thống kê. Mặt khác, nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng độ mở do chính sách thương mại gây ra đã ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Kiểm định Granger cũng cho thấy rằng sự thay đổi trong độ mở thương mại có xu hướng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế dài hạn thông qua sự tương tác với tăng trưởng vốn vật chất trong trường hợp của Kenya.

Lawal & cộng sự (2016) áp dụng phương pháp ARDL cho Nigeria và nhận thấy tác động tiêu cực trong dài hạn của độ mở thương mại đối với tăng trưởng kinh tế nhưng lại có tác động tích cực trong ngắn hạn.

Keho (2017) đã xác lập tác động tích cực của độ mở thương mại đối với tăng trưởng kinh tế của Cote d'Ivoire trong giai đoạn từ 1965 đến 2014 bằng cách sử dụng mô hình tự phân phối độ trễ hồi quy ARDL.

Malefane & Odhiambo (2018) nghiên cứu sử dụng mô hình tự phân phối độ trễ hồi quy ARDL để điều tra tác động của thương mại mở cửa đối với tăng trưởng kinh tế. Theo kết quả thực nghiệm dài hạn thu được, độ mở thương mại có tác động tích cực và đáng kể đến tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa độ mở kinh tế và tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên những phát hiện của những nghiên cứu này thường không nhất quán và mâu thuẫn giữa các phương pháp và quốc gia.

Theo Rassekh (2007) các nền kinh tế có thu nhập thấp được hưởng lợi nhiều hơn từ thương mại quốc tế so với các nền kinh tế có thu nhập cao. Trong một nghiên cứu ở 82 nước công nghiệp hóa và đang phát triển. Chang & cộng sự (2009) đã phát hiện ra mối liên hệ tích cực mạnh mẽ giữa độ mở thương mại và mối quan hệ tăng trưởng kinh tế. Kim & Lin (2009) đã nghiên cứu 61 quốc gia và phát hiện ra ngưỡng thu nhập mà trên đó thương mại gia tăng sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế tăng lên. Họ phát hiện ra rằng độ mở thương mại sẽ kìm hãm tăng trưởng kinh tế dưới một ngưỡng nhất định. Sakyi & cộng sự (2015) cung cấp bằng chứng về mối quan hệ nhân quả hai chiều tích cực giữa thương mại và tăng trưởng kinh tế cho mẫu gồm 115 quốc gia đang phát triển. Were (2015) nhận thấy rằng thương mại có tác động tích cực và đáng kể đến tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển và đang phát triển, nhưng tác động của nó không đáng kể đối với các nước kém phát triển nhất, phần lớn bao gồm các nước châu Phi. Trong một nghiên cứu ở Trung Quốc, Hye, Wizarat & Lau (2016) cho thấy độ mở thương mại có mối quan hệ tích cực với tăng trưởng trong dài hạn và ngắn hạn. Polat & cộng sự (2015) nhận thấy rằng độ mở thương mại cản trở tăng trưởng kinh tế ở Nam Phi.

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế một cách sâu và rộng hơn, độ mở kinh tế được xem xét có tính toàn diện hơn, thì chưa có nghiên cứu nào về tác động của độ mở kinh tế đối với phát triển kinh tế Việt Nam. Vì vậy nghiên cứu này sẽ bổ sung vào nghiên cứu thực nghiệm về tác động của độ mở kinh tế đối với phát triển kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn, áp dụng phương pháp kiểm định đường bao ARDL với chuỗi dữ liệu thời gian từ 1995 – 2022.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Độ mở kinh tế thể hiện mức độ tham gia của một quốc gia trong hoạt động kinh tế toàn cầu. Độ mở kinh tế là quá trình liên tục và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia thông qua việc gia tăng về khối lượng, đa dạng của các giao dịch hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới, các dòng vốn quốc tế, cũng như sự phổ biến công nghệ và thông tin (Fischer, 2003). Theo lý thuyết về lợi thế so sánh, việc sử dụng nguồn lực trong nước hiệu quả hơn thông qua việc nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho việc sản xuất hàng xuất khẩu ở các nước đang phát triển (Yanikkaya, 2003). Do đó, trong nghiên cứu này, độ mở kinh tế được đo bằng tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của một thời kỳ chia cho giá trị của tổng sản phẩm trong nước thời kỳ đó.

Lloyd & MacLaren (2000), Worldbank (2002) đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của độ mở kinh tế đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế, đặc biệt đối với nền kinh tế đang phát triển. Thứ nhất, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất. Theo Lucas (1998), Romer (1986), Romer (1990), mô hình lý thuyết nội sinh đã xác định độ mở kinh tế kích thích phát triển kinh tế thông qua tiến bộ công nghệ, chuyên giao công nghệ từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển và tạo hiệu ứng đổi mới cho các nước đang phát triển đi theo. Từ đó, cho phép thị trường trong nước tiếp cận các thị trường toàn cầu, nền kinh tế có thể đạt được gia tăng sản lượng ở tính kinh tế theo quy mô. Thứ hai, độ mở kinh tế góp phần phân bổ hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy cạnh tranh cho thị trường trong nước (Hye, 2012). Thứ ba, tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng thì càng đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật theo thông lệ quốc tế, thực hiện công khai, minh bạch các thiết chế quản lý làm cho môi trường kinh doanh trong nước ngày càng được cải thiện. Đây là cơ sở rất quan trọng để phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế trong nước, là cơ hội để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm tốc độ tăng trưởng bền vững hơn và rút ngắn khoảng cách phát triển.

Tuy nhiên độ mở kinh tế cũng có những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế của các quốc gia. Thứ nhất, khi tham gia hội nhập quốc tế, những lợi thế cạnh tranh của các nước đang phát triển như tài nguyên, lao động giá rẻ... sẽ dần yếu đi. Lợi thế đang nghiêng về các nước phát triển vì có ưu thế về hàm lượng công nghệ cao, chất xám và vốn lớn. Tuy nói là tự do hóa thương mại song các nước phát triển vẫn áp dụng những hình thức bảo hộ công khai (như áp dụng hạn ngạch) hoặc trá hình (như tiêu chuẩn lao động, môi trường...). Thứ hai, trong tiến trình hội nhập quốc tế, các nước đang phát triển khai thác ngày càng nhiều hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế tự nhiên như khoáng sản, thủy sản, nông lâm sản... nhằm đạt mục đích tăng trưởng kinh tế nhanh. Điều đó dẫn đến nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và sự phát triển không bền vững (Le, 2020)

3. Mô hình nghiên cứu và các kiểm định

3.1. Mô hình nghiên cứu

Độ mở kinh tế có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển. Dựa trên góc độ nghiên cứu tổng quan và các nghiên cứu trước đây, phương pháp phân tích định lượng tiếp cận mô hình phân phối trễ tự hồi quy ARDL (Auto Regressive Distributed Lags), được đề xuất bởi Pesaran & cộng sự (1996) được sử dụng trong nghiên cứu, dữ liệu được phân tích trong mô hình là chuỗi dữ liệu theo thời gian từ năm 1995 - 2022 của Việt Nam. Các biến được phân tích và cách đo lường các biến trong nghiên cứu được trình bày cụ thể ở Bảng 1. Nguồn dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Tổng cục thống kê, Ngân hàng thế giới và Trading Economics...

Phương pháp phân phối trễ tự hồi quy ARDL thường được sử dụng trong phân tích chuỗi thời gian đa biến trong trường hợp đối tượng nghiên cứu có số quan sát ít. Mô hình ARDL cho phép xác định tác động của các biến độc lập tới biến phụ thuộc. Bên cạnh đó mô hình ARDL cho phép thực hiện ước lượng với hỗn hợp cả chuỗi số liệu dừng (stationary) và chuỗi số liệu không dừng (non-stationary). Với mục tiêu nghiên cứu đánh giá tác động của độ mở nền kinh tế tới phát triển kinh tế, dữ liệu chuỗi thời gian được sử dụng nên mô hình ARDL được coi là phù hợp để sử dụng. Mô hình nghiên cứu tổng quát được đưa ra như sau:

$$\Delta GDPPC_t = \alpha + \beta \sum_{i=1}^n \Delta E_openness_{nt-i} + \rho \sum_{i=1}^k \Delta INF_{t-i} + \theta \sum_{i=1}^l \Delta FDI_{t-i} + \omega E_openness_{t-1} + \delta INF_{t-1} + \vartheta FDI_{t-1} + \varepsilon_t$$

Trong đó, các biến Δ là các biến dừng. Chi tiết các biến trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả các biến

Tên biến	Thang đo	Nguồn
Biến phụ thuộc		
Phát triển kinh tế (GDPPC)	GDP bình quân đầu người	Sunde & cộng sự (2023); Keho (2017), Tkalenko & cộng sự (2023), Oppong-Baah & cộng sự (2022)
Biến độc lập		
Độ mở kinh tế (E_openness)	(giá trị xuất khẩu + giá trị xuấtkhẩu) /GDP	Sunde, Tafirenyika & Adeyanju (2023), Cheung & Ljungqvist (2021), Keho (2017), Tkalenko & cộng sự (2023), Oppong-Baah & cộng sự (2022)
Biến kiểm soát		
Lạm phát (INF)	Tỷ lệ lạm phát so với năm trước	Sunde & cộng sự (2023), Oppong-Baah & cộng sự (2022)
FDI	Vốn FDI thực hiện	Cheung & Ljungqvist (2021)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Theo Pesaran & Pesaran (1997), phương pháp phân phối trễ tự hồi quy ARDL có nhiều ưu điểm hơn so với các phương pháp đồng liên kết khác: (i) Trong trường hợp số lượng mẫu nhỏ, mô hình ARDL là cách tiếp cận có ý nghĩa thống kê hơn để kiểm định tính đồng liên kết, trong khi đó kỹ thuật đồng liên kết của Johansen yêu cầu số mẫu lớn hơn để đạt được độ tin cậy; (ii) Khác với các phương pháp thông thường để tìm mối quan hệ dài hạn, phương pháp ARDL không ước tính hệ phương trình, thay vào đó, nó chỉ ước tính một phương trình duy nhất; (iii) Các kỹ thuật đồng liên kết khác yêu cầu các biến hồi quy được đưa vào liên kết có độ trễ như nhau thì trong cách tiếp cận ARDL, các biến hồi quy có thể dung nạp các độ trễ tối ưu khác nhau; (iv) Nếu kiểm định nghiệm đơn vị được xem là bước cần thiết trong các kiểm định đồng liên kết thì thủ tục ARDL có thể cho phép áp dụng với các chuỗi tích hợp I(1) hoặc I(0). ARDL là thích hợp nhất cho nghiên cứu thực nghiệm; (v) ARDL cung cấp phương pháp đánh giá tác động đồng thời trong ngắn hạn và dài hạn của một biến lên biến khác, có thể tách biệt tác động ngắn hạn và dài hạn.

3.2. Các kiểm định

3.2.1. Thống kê mô tả dữ liệu

Thống kê mô tả các biến (Bảng 2) cho thấy trung bình GDPPC là 1646,68, trong đó lớn nhất là 4163,5 và nhỏ nhất là 281,1. Đóng góp xuất khẩu/GDP (Export_GDP) trung bình là 0,584, trong đó lớn nhất là 0,918

và nhỏ nhất là 0,262. Đóng góp nhập khẩu/GDP (Import_GDP) trung bình là 0,637, lớn nhất là 0,909 và nhỏ nhất là 0,393. Về độ mở nền kinh tế trung bình là 1,221, lớn nhất là 1,828 và nhỏ nhất là 0,656. Tỷ lệ lạm phát (INF) trung bình là 6,019, lớn nhất là 23,12 và nhỏ nhất là -1,71. FDI thực hiện trung bình là 9615,26, lớn nhất là 22396 và nhỏ nhất là 2225,6.

Bảng 2: Thống kê mô tả dữ liệu

Tên biến	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
GDPPC	28	1646,679	1284,739	281,100	4163,500
Export_GDP	28	0,584	0,173	0,263	0,918
Import_GDP	28	0,637	0,143	0,393	0,909
Trade_openess	28	1,221	0,310	0,656	1,828
INF	28	6,019	5,308	-1,710	23,120
FDI	28	9615,265	6877,176	2225,600	22396,000

Nguồn: Kết quả xử lý của tác giả

3.2.2. Kiểm định tính dừng

Với dữ liệu chuỗi thời gian, trước khi đi vào phân tích hồi quy, các biến cần đảm bảo tính dừng. Kết quả kiểm định tính dừng ở Bảng 3 chỉ ra các biến đều không dừng nhưng dừng ở sai phân bậc nhất. Vì thế nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích quan hệ ngắn hạn và dài hạn qua mô hình ARDL.

Bảng 3: Kiểm định tính dừng

Tên biến	Statistics	p-value
LnGDPPC	-0,558	0,8801
Export_GDP	-0,557	0,8803
Import_GDP	-1,209	0,6697
E_openess	-0,815	0,8148
INF	-1,258	0,648
LnFDI	-0,339	0,9199
Sai phân bậc nhất		
Δ LnGDPPC	-3,817	0,0027
Δ Export_GDP	-4,754	0,0001
Δ Import_GDP	-4,926	0,0000
Δ E_openess	-4,882	0,0000
Δ INF	-8,496	0,0000
Δ LnFDI	-3,948	0,0017

Nguồn: Kết quả xử lý của tác giả

3.2.3. Lựa chọn độ trễ tối ưu

Với các biến dừng ở sai phân bậc nhất sẽ được đưa vào lựa chọn độ trễ tối ưu. Kết quả Bảng 4 cho thấy theo chỉ tiêu AIC thì độ trễ 3 được lựa chọn.

Bảng 4: Kết quả lựa chọn độ trễ tối ưu

lag	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	,000021*	0,581943	,634032*	,778285*
1	0,000044	1,28838	1,54882	2,27009
2	0,000028	0,705476	1,17428	2,47256
3	0,000033	,520083*	1,19725	3,07253

Endogenous: D.LnGDPPC D.E_openess D.INF D.LnFDI

Nguồn: Kết quả xử lý của tác giả

3.2.4. Kiểm định mối quan hệ dài hạn

Để đánh giá các biến có mối quan hệ dài hạn hay không, kết quả ở Bảng 5 chỉ ra $F=7,357$ lớn hơn các chỉ số tiêu chuẩn nên tồn tại mối quan hệ dài hạn trong mô hình. Vì thế mô hình ARDL sử dụng là phù hợp.

Bảng 5: Kiểm tra mối quan hệ dài hạn

ARDL Bounds Test	[I_0]	[I_1]	[I_0]	[I_1]	[I_0]	[I_1]	[I_0]	[I_1]
	L_1	L_1	L_05	L_05	L_025	L_025	L_01	L_01
F= 7,357	3,47	4,45	4,01	5,07	4,52	5,62	5,17	6,36

Nguồn: Kết quả xử lý của tác giả

3.2.5. Kết quả phân tích mô hình ARDL

Mô hình ARDL sử dụng độ trễ tự động thu được các kết quả trong cả ngắn hạn và dài hạn, được tổng hợp trong Bảng 6.

Bảng 6: Kết quả mô hình ARDL

	(1)	(2)	(3)
GDPPC	ADJ	Long-run	Short-run
LnGDPPC _{t-1}	-1,190***		
	(0,184)		
E openness _{t-1}		1.240***	
		(211,3)	
INF _{t-1}		-11,05	
		(5,956)	
LnFDI _{t-1}		1.767***	
		(124,1)	
ΔE openness			1.257***
			(308,1)
ΔE openness _{t-1}			333,1
			(203,8)
ΔE openness _{t-2}			1.345***
			(288,1)
ΔE openness _{t-3}			1.244***
			(288,7)
ΔINF			12,70*
			(5,630)
ΔINF _{t-1}			16,42**
			(4,096)
ΔINF _{t-2}			6,529
			(3,505)
ΔINF _{t-3}			0,043
			(0,005)
ΔLnFDI			260,7**
			(86,27)
ΔLnFDI _{t-1}			-1.935***
			(343,9)
ΔLnFDI _{t-2}			-1.598***
			(287,1)
ΔLnFDI _{t-3}			-983,8***
			(239,3)
Constant			118.894*
			(47.253)
Observations	24	24	24
Kiểm định đa cộng tuyến	VIF _{max} =3,19 <10		
Kiểm định phương sai sai số thay đổi	0,4076		
Kiểm định tự tương quan	0,12		

Chú thích: Sai số chuẩn trong ngoặc; *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

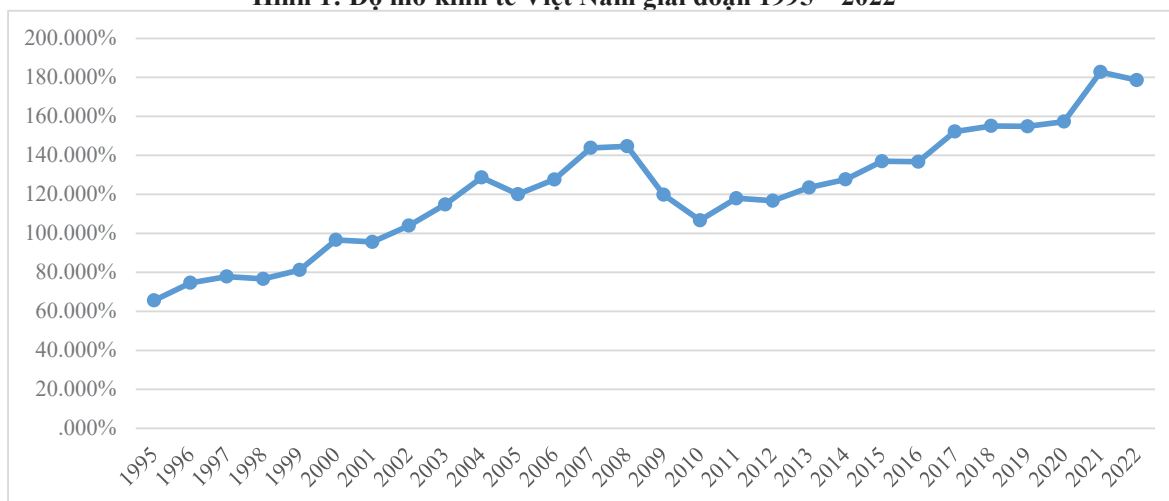
Nguồn: Kết quả xử lý của tác giả

Với kiểm định về đa cộng tuyến chỉ ra VIF lớn nhất =3,19 nhỏ hơn 10, p-value của kiểm định tự tương quan và phương sai sai số thay đổi đều <0,05 nên mô hình đạt tin cậy. Kết quả hồi quy cho thấy độ mở kinh

té có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế trong cả ngắn hạn và dài hạn. Cụ thể: trong ngắn hạn, độ mở nền kinh tế có tác động tới tăng trưởng kinh tế từ độ trễ 2,3 và tác động tức thì (hệ số beta đều dương và đều có ý nghĩa thống kê). Trong dài hạn, độ mở kinh tế có tác động tích cực (hệ số beta dương và có ý nghĩa thống kê). Kết quả này phù hợp với kỳ vọng đặt ra và phù hợp với thực tiễn nghiên cứu. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng đặt ra và phù hợp với thực tiễn nghiên cứu.

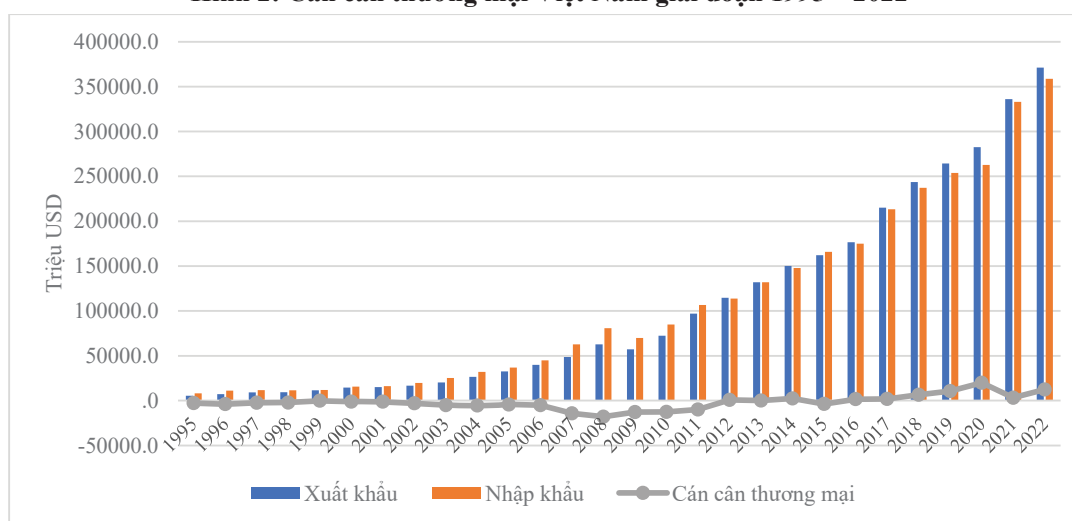
Kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới năm 1986, Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tăng cường trao đổi thương mại, ký các hiệp định đa phương, song phương. Tính đến hết năm 2023, Việt Nam có quan hệ thương mại với 224 đối tác (trong đó có hơn 70 quốc gia nhập khẩu hàng Việt Nam), có quan hệ với hơn 500 tổ chức quốc tế; 71 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam. Việt Nam trở thành tâm điểm của mạng lưới khu vực thương mại tự do rộng lớn, chiếm gần 90% GDP thế giới, góp phần gia tăng đan xen lợi ích của quốc gia với hầu hết các đối tác hàng đầu khu vực và thế giới (VCCI, 2023). Nền kinh tế Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế mở, với mức tự do hóa tương đối mạnh mẽ, môi trường kinh doanh, thể chế kinh tế của Việt Nam phù hợp hơn với thông lệ thế giới và các chuẩn mực kinh tế thị trường cơ bản.

Hình 1: Độ mở kinh tế Việt Nam giai đoạn 1995 – 2022



Nguồn: Tính toán của tác giả

Hình 2: Cán cân thương mại Việt Nam giai đoạn 1995 – 2022



Nguồn: Tổng cục thống kê (2023)

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 9,513 triệu tỷ đồng, tương đương 409 tỷ USD. Quy mô nền kinh tế Việt Nam đã tăng hơn 10 lần so với năm 2000. GDP năm 2022 tăng 8,02%, vượt mục tiêu

kế hoạch và là mức cao nhất giai đoạn 2011-2022 (Tổng cục thống kê, 2023). Năm 2020 là một năm biến động bất ngờ vì đại dịch Covid – 19 do đó tốc độ tăng trưởng của các quốc gia đều giảm mạnh, thậm chí tăng trưởng âm nhưng Việt Nam vẫn là điểm sáng khi có tốc độ tăng trưởng dương. So sánh tốc độ tăng trưởng của Việt Nam so với một số nước trong khu vực thấy được sự bứt phá về tốc độ tăng trưởng qua từng năm của Việt Nam, cụ thể: năm 2022, GDP của Việt Nam, Philipines, Singapore, Thái Lan lần lượt là 8,02%, 7,6%, 3,6%, 2,6% (Worldbank, 2023).

Bên cạnh đó, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng trong giai đoạn nghiên cứu (Hình 2). Từ năm 2016-2022, Việt Nam liên tục xuất siêu với giá trị là 2.674 triệu USD (năm 2017), 6.515,3 triệu USD (năm 2018) và 10.570,7 triệu USD (năm 2019), 19.837,9 triệu USD (năm 2020), 3.324,3 triệu USD (năm 2021) và đạt 11.200 triệu USD (năm 2022) (Tổng cục thống kê, 2023). Cán cân thương mại từng bước đạt thặng dư. Tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu so với GDP tăng (kim ngạch xuất nhập khẩu gấp 2 lần so với GDP). Do đó, độ mở kinh tế Việt Nam ở mức gần 200%, được đánh giá là một trong những nền kinh tế mở nhất thế giới.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu phân tích tác động của độ mở kinh tế đến phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 1995 – 2022, ứng dụng phương pháp phân phối trễ tự hồi quy ARDL. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tích cực trong ngắn hạn cũng như dài hạn của độ mở kinh tế đến phát triển kinh tế Việt Nam.

Với kết quả nghiên cứu đó, cùng độ mở kinh tế của Việt Nam quá lớn với mức gần 200%, nền kinh tế Việt Nam đang trở nên dễ bị tổn thương và rất nhạy cảm với các biến động từ bên ngoài. Một là, mô hình tăng trưởng của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào mức tăng xuất khẩu liên tục cao. Trung Quốc và Mỹ là hai đối tác lớn nhất về ngoại thương của Việt Nam. Do đó, khi 2 đối tác lớn xảy ra xung đột sẽ gây ra những ảnh hưởng nhất định tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Hàng hóa Trung Quốc xuất sang Mỹ bị hạn chế dẫn tới dư thừa và có thể đổ về thị trường Việt Nam, gây sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của Việt Nam. Mặt khác, hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc sẽ khó khăn hơn, do Trung Quốc phải tập trung tiêu thụ hàng hóa nội địa. Năm 2022, tỉ trọng xuất khẩu trên tổng kim ngạch của Việt Nam với Trung Quốc là 15,5% (giảm 1,14% so với năm 2021) (Tổng cục thống kê, 2023). Hai là, vấn đề hàng Trung Quốc mượn đường và xuất xứ từ Việt Nam để tránh thuế của Mỹ. Điều này làm giảm thị phần của doanh nghiệp Việt Nam và tăng nguy cơ trừng phạt đối với Việt Nam. Một số sự việc như: Hải quan Hoa Kỳ cũng từng phát hiện Công ty FINEWOOD Việt Nam có hành vi nhập khẩu mặt hàng gỗ dán từ Trung Quốc, sau đó đưa về nhà xưởng để thay đổi nhãn mác và xuất khẩu sang Hoa Kỳ với xuất xứ Việt Nam (NIF, 2019). Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) năm 2022 đã ban hành văn bản xác định Công ty CP tập đoàn BGI Group có hành vi trốn tránh lệnh chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm tủ gỗ, bàn trang điểm Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam, được gia công tại Công ty HOCA Việt Nam để hưởng lợi từ xuất xứ Việt Nam (Le, 2022).

Từ những kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, Việt Nam phải xác định đúng đắn những lợi thế của đất nước, hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế dựa trên những yêu cầu cơ bản sau:

- Khai thác tốt nhất lợi thế so sánh của đất nước ta trên thị trường khu vực và thế giới để đẩy mạnh xuất khẩu; Tích cực chuyển dịch cơ cấu mặt hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu để phù hợp hơn với thị trường quốc tế, từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng xuất khẩu. Xác định và định hướng vào nhập khẩu những mặt hàng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – kỹ thuật của đất nước.

- Tránh được ô nhiễm môi trường và khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên do đẩy mạnh xuất nhập khẩu.

- Hạn chế tối đa sự rủi ro và lệ thuộc vào bên ngoài trước những biến động của các nền kinh tế và thị trường thế giới.

Thứ hai, chú trọng điều tiết thương mại nội địa góp phần ổn định và phát triển thị trường trong nước trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển sản xuất và mở rộng thị trường nước ngoài. Thương mại phải vừa liên kết

sâu với sản xuất chế biến, vừa liên kết rộng và phát huy vai trò thúc đẩy nền nông nghiệp hàng hoá, khuyến khích phát triển thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi. Gắn hoạt động kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn lưu thông hàng hoá trong nước với tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, hướng tới công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Thứ ba, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển như Ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhiều nhóm giải pháp như hỗ trợ tín dụng, đầu tư, đào tạo nhân lực... Phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành một trong những động lực chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Phát triển mạnh các liên kết kinh tế, tích tụ các nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất hàng hóa theo chiều sâu. Đầu tư phát triển các thương hiệu quốc gia và Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trên thị trường quốc tế.

Thứ tư, Việt Nam vẫn rất cần FDI nhưng phải có định hướng và ưu tiên vào các tiêu chí như xanh như đảm bảo môi trường sạch, phải đảm bảo lý lịch của doanh nghiệp không có những vết nhơ trong hoạt động kinh doanh, không có vấn đề về trốn thuế, gian lận thương mại; công nghệ cao, thích hợp gắn với cách mạng công nghiệp 4.0; có tính lan tỏa, phải gắn với công nghiệp hỗ trợ trong nước và chuyển giao công nghiệp.

Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành; phát huy hiệu quả cơ chế tham vấn giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trong quá trình đề xuất, lựa chọn đối tác và xây dựng phương án đàm phán các FTA mới cũng như trong việc tháo gỡ những khó khăn trong việc tiếp cận thị trường xuất khẩu; ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh và tiềm năng xuất khẩu.

Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA; nghiên cứu, đề xuất phương án đàm phán các FTA mới cũng như nâng cấp một số FTA đã ký kết; nghiên cứu và tập trung triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP...

Thứ năm, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu. Doanh nghiệp tích cực và chủ động tham gia quá trình phân công lao động quốc tế, tham gia mạng sản xuất, mạng phân phối khu vực và quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và kinh doanh trên nền tảng công nghệ số của doanh nghiệp. Phát triển đa dạng cả phương thức xuất khẩu chính ngạch truyền thống và phương thức xuất khẩu hiện đại. Đặc biệt, cần đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử xuyên biên giới và tham gia các sàn thương mại điện tử thế giới

Tài liệu tham khảo

- Chang, R., Kaltani, L., & Loayza, N. V. (2009) 'Openness can be good for growth: The role of policy complementarities', *Journal of Development Economics*, 90, 33–49. [10.1016/j.jdeveco.2008.06.011](https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2008.06.011).
- Cheung, J., & Ljungqvist, Z. (2021), 'The impact of Trade Openness on Economic Growth: A panel data analysis across advanced OECD countries', Independent thesis Basic level (degree of Bachelor), Södertörn University, *Institution of Social Sciences Economics*.
- Das, A., & Paul, B. P. (2011), 'Openness and Growth in Emerging Asian Economies: Evidence from GMM Estimations of a Dynamic Panel', *Economics Bulletin*, 3, 2219–2228.
- Dollar, D., & Kraay, A. (2004), 'Trade', *Growth and Poverty. Economic Journal*, 114, 22–49.
- Fischer S. (2003), 'Globalization and its challenges', *American Economic Review*, 93 (2), 1–30.
- Freund, C., & Bolaky, B. (2008), 'Trade, regulations, and income', *Journal of Development Economics*, 87, 309–321. [Doi:10.1016/j.jdeveco.2007.11.003](https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2007.11.003)
- Hye Q. M. (2012), 'Long term effect of trade openness on economic growth in case of Pakistan', *Quality & Quantity*, 46, 1137–1149.
- Hye, Q. M., Wizarat, S., & Lau, W.-Y. (2016), 'The impact of trade openness on economic growth in China: An empirical analysis', *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 3, 27–37. [Doi: 10.13106/jafeb](https://doi.org/10.13106/jafeb).

-
- Keho, Y. (2017), 'The Impact of Trade Openness on Economic Growth: The Case of Cote d'Ivoire', *Cogent Economics & Finance*, 5, 1-14. <https://doi.org/10.1080/23322039.2017.1332820>.
- Kim, D.-H., & Lin, S. (2009), 'Trade and growth at different stages of economic development', *Journal of Development Studies*, 45, 1211-1224. [10.1080/00220380902862937](https://doi.org/10.1080/00220380902862937).
- Lawal, A. I., Nwanji, T. I., Asaley, A., & Ahmed, V. (2016), 'Economic growth, financial development and trade openness in Nigeria: An application of the ARDL bound testing approach', *Cogent Economics and Finance*, 4, 1-15.
- Lê, N.D.A (2020), 'Phát triển thương mại theo hướng bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế', Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.
- Lloyd P. J. & MacLaren D. (2000), 'Openness and growth in East Asia after the Asian Crisis', *Journal of Asian Economics*, 11, 89-105.
- Lucas, R.E. (1988), 'On the mechanics of economic development', *Journal of monetary economics*, 22(1), 3-42.
- Malefane, M. R., & Odhiambo, N. M. (2018), 'Impact of Trade Openness on Economic Growth: Empirical Evidence from South Africa', *International Economics*, 71, 387-416.
- Marelli, E., & Signorelli, M. (2011), 'China and India: Openness, trade and effects on economic growth', *The European Journal of Comparative Economics*, 8, 129-154.
- Musila, J. W., & Yiheyis, Z. (2015), 'The impact of trade openness on growth: The case of Kenya', *Journal of Policy Modeling*, 37, 342-354, Doi: [10.1016/j.jpolmod.2014.12.001](https://doi.org/10.1016/j.jpolmod.2014.12.001)
- NIF (2019), 'Ngăn chặn hàng nước ngoài "đội lốt" hàng Việt sang Hoa Kỳ', Viện chiến lược và chính sách tài chính, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM154414.
- Oppong-Baah, T., Bo, Y., Twi-Brempong, C., Amoah, E., Prempeh, N., & Addai, M. (2022), 'The Impact of Trade Openness on Economic Growth: The Case of Ghana and Nigeria', *Journal of Human Resource and Sustainability Studies*, 10(1), 142-160. doi: [10.4236/jhrss.2022.101010](https://doi.org/10.4236/jhrss.2022.101010).
- Pesaran, M. H. & Shin, Y. & Smith, R. J., (1996), 'Testing for the 'Existence of a Long-run Relationship'', *Cambridge Working Papers in Economic 9622*, Faculty of Economics, University of Cambridge.
- Pesaran, M. H. & Shin, Y. & Smith, R. J., (1996), 'Testing for the 'Existence of a Long-run Relationship'', *Cambridge Working Papers in Economic 9622*, Faculty of Economics, University of Cambridge.
- Pesaran, M.H., & Pesaran, B. (1997), *Working with microfit 4.0*, Camfit Data Ltd., Cambridge;
- Polat, A., Shahbaz, M., Rehman, I. U., & Satti, S. L. (2015), 'Revisiting linkages between financial development, trade openness and economic growth in South Africa: Fresh evidence from combined cointegration test', *Quality and Quantity*, 49, 785-803, Doi: [10.1007/s11135-014-0023-x](https://doi.org/10.1007/s11135-014-0023-x).
- Rassekh, F. (2007), 'Is international trade more beneficial to lower income economies? An empirical inquiry', *Review of Development Economics*, 11, 159-169. Doi: [10.1111/rode.2007.11.issue-1](https://doi.org/10.1111/rode.2007.11.issue-1).
- Romer, P. (1990), 'Endogenous Technological Change', *Journal of Political Economy* 98(5), 71-102.
- Romer, P.M. (1986), 'Increasing returns and long-run growth', *Journal of political economy*, 94(5), 1002-1037
- Sakyi, D., Villaverde, J., & Maza, A. (2015), 'Trade openness, income levels, and economic growth: The case of developing countries, 1970-2009', *The Journal of International Trade & Economic Development*, 24, 860-882, Doi: [10.1080/09638199.2014.971422](https://doi.org/10.1080/09638199.2014.971422).
- Sunde, T., Tafirenyika, B., & Adeyanju, A. (2023), 'Testing the Impact of Exports, Imports, and Trade Openness on Economic Growth in Namibia: Assessment Using the ARDL Cointegration Method', *MDPI*, 11(86), 2-12. Doi: <https://doi.org/10.3390/economies11030086>.
- Tkalenko, S. & cộng sự (2023), 'The Impact of Trade Openness on Economic Growth: The Case of Ukraine', *The Implementation of Smart Technologies for Business and Sustainability*, 13, 521-533.
- Tổng cục thống kê (2023), *Số liệu thống kê*, Available at: <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke>
- Tsen W. H. (2006), 'Granger causality tests among openness to international trade, human capital accumulation and economic growth in China: 1952-1999', *International Economic Journal*, 20 (3), 285-302.
-

-
- VCCI (2023), *Trung tâm WTO và Hội nhập*, Available at: <https://trungtamwto.vn>
- Were, M. (2015), 'Differential effects of trade on economic growth and investment: A cross-country empirical investigation', *Journal of African Trade*, 2, 71–85. Doi: 10.1016/j.joat.2015.08.002
- World Bank (2002), *Globalization, growth and poverty*, New York: Oxford Univeristy Press
- Worldbank (2023), The World Bank, Available at: <https://www.worldbank.org>
- Yanikkaya, H. (2003). 'Trade openness and economic growth: A cross country empirical investigation', *Journal of Development Economics*, 72, 57-89.
- Yeboah, O., Naanwaab, C., Saleem, S., & Akuffo, A. A. (2012), 'Effects of Trade Openness on Economic Growth: The Case of African Countries', *Agribusiness, Applied Economics and Agriscience Education-NC A&T*, Birmingham.